TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ - ST
Ngày 16/9/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Trương;
2/ Bà Nguyễn Thị Búp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 31/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H
Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc N.
Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.
Các bên đương sự đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2021và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2005. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vả nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, năm 2020 chị H đã gửi đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng đến nay dù đã cố gắng vẫn không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 31/3/2006 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016. Con đang ở với chị, khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con Nguyễn Phạm Anh T; anh Nam nuôi con Nguyễn Anh K; không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày:

Anh N thừa nhận anh và chị Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ vào năm 2005. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn: Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay, chị H yêu cầu ly hôn anh, anh đồng ý. Anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày, khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi con Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016 và đồng ý giao con Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 31/3/2006 cho chị H nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng cho con. Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh N; giao con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 31/3/2006 cho chị H nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự trong vụ án là chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Ngoc N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Ngoc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Chị H và anh N đều thừa nhận sau khi cưới anh chị sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vả nên tình cảm vợ chồng không còn; quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị H yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã không đem lại hạnh phúc cho anh chị vì thực tế chị H và anh N không còn chung sống với nhau, anh chị không quan tâm đến nhau. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 31/3/2006 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phạm Anh T và giao con Nguyễn Anh K cho anh N nuôi; không ai phải cấp dưỡng cho con. HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án giữa chị H và anh N đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, theo đó, giao con Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 31/3/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Anh K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình đồng thời cũng đúng với nguyện vọng của con nên được HĐXX chấp nhận, không ai phải cấp dưỡng cho con. Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ nhưng chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ nên được khấu trừ.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 31/3/2006 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/01/2016 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng cho con. Chị H và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005989, ngày 21/7/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trường Chinh **Nguyễn Thị Thu Dung** **Nguyễn Thị Bích Vân**

Nguyễn Thanh Trương **Nguyễn Kha** **Nguyễn Thị Bích Vân**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Sơn **Đặng Văn Minh** **Nguyễn Thị Bích Vân**

Nơi nhận**:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà